

SEMINAR TRAO ĐỔI HỌC THUẬT

BẢO TỒN DI SẢN KIẾN TRÚC – ĐÔ THỊ

Người trình bày: **PGS. TS. KTS. Trần Văn Khải**¹

Ngày: 27/05/2016

TRAO ĐỔI VÀ THẢO LUẬN

Chia sẻ với các khách mời về bất cập ở Việt Nam hiện nay trong sự nghiệp bảo tồn di sản kiến trúc – đô thị, PGS. TS. KTS. Trần Văn Khải cho biết mặc dù các lý luận về bảo tồn di sản đã được các quốc gia, các tổ chức quốc tế hoàn thiện từ lâu, nhưng Việt Nam vẫn còn rất lúng túng. Trong nhiều dự án bảo tồn di sản kiến trúc – đô thị, người dân đã từ chối danh hiệu Di sản văn hóa Quốc gia và lại còn nhiều di sản kiến trúc đã không thể bảo tồn.

PGS.TS.KTS. Trần Văn Khải bắt đầu phần trình bày với khái niệm về bảo tồn di sản dựa trên định nghĩa của từ điển Oxford về kiến trúc và khái niệm được đưa ra bởi tổ chức English Heritage. Theo đó, bảo tồn có thể được hiểu là làm sao duy trì sự tồn tại của các di sản với các đặc điểm nguyên gốc (authenticity), chứ không chỉ nói đến việc giữ lại các di sản. Ngay từ thời đế chế La Mã, các điều luật về bảo tồn di sản văn hóa đã được ban hành, lên danh sách, xếp hạng các di sản văn hóa. Ở Italia, Luật Bảo tồn di sản năm 1939 đã đặt toàn bộ di sản kiến trúc và nghệ thuật dưới sự giám sát của nhà nước, bất chấp đó là tài sản tư nhân hay công cộng. UNESCO cũng đã lập cơ quan chuyên trách về Di sản Văn hóa là **ICOMOS**, ra **Công ước ATHENS 1931** và **Hiến chương VENICE 1964**

¹ Trường Đại học Tôn Đức Thắng

hướng dẫn nguyên tắc Bảo tồn Di sản văn hóa giữ gìn đặc điểm nguyên gốc. Tại Nhật Bản, luật bảo vệ đền chùa được ban hành vào 1897 và sau đó mở rộng phạm vi ra các công trình khác vào 1919 và 1929. Người Nhật có cách nhìn khác, họ bắt các thế hệ sau phải tháo dỡ, trùng tu thay thế các bộ phận bị hư hỏng để làm cho thế hệ sau nắm vững và có thể bảo tồn công nghệ xây dựng của các thế hệ trước. Từ đó, UNESCO đã ban hành **Văn kiện NARA 1994** chấp nhận các quan điểm Châu Á, cho phép việc tháo ra và trùng tu lại các bộ phận bị hư hỏng và việc bảo tồn là bảo tồn Di sản phi vật thể chứ không phải chỉ bảo tồn di sản vật thể vì ở châu Á, đa số các công trình bằng gỗ, không bằng đá bền lâu như ở châu Âu. UNESCO cũng yêu cầu khi trùng tu phải tuân thủ các qui định của các hiến chương và công ước của ICOMOS và văn kiện NARA, tránh trường hợp trùng tu tùy tiện theo ý riêng của kiến trúc sư như trường hợp nhà thờ Milano (Italia) thời kỳ Phục Hưng. Việt Nam cũng đã ban hành Luật Di sản số 28/2001/QH10, trong đó quy định về việc bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể (nghề truyền thống, nghi thức, thời trang, ẩm thực,...) và di sản văn hóa vật thể (di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, ...).

Việc bảo tồn di sản kiến trúc – đô thị nhận được nhiều sự quan tâm của các quốc gia và tổ chức quốc tế vì những lợi ích về văn hóa, tinh thần cũng như về kinh tế. Việc bảo tồn, quảng bá giá trị di sản giúp lưu truyền các giá trị văn hóa, xã hội cho các thế hệ sau. Một đô thị với nhiều di sản kiến trúc có bản sắc, có ý nghĩa lớn sẽ tạo sức hấp dẫn cho các hoạt động kinh tế - chính trị và trực tiếp sinh ra các nguồn lợi, đặc biệt là từ hoạt động du lịch. Tuy nhiên, nhiều di sản kiến trúc – đô thị lại bị xuống cấp, phá hủy do các nguyên nhân từ khách quan đến chủ quan. Nguyên nhân khách quan xuất phát từ thiên nhiên, nhà nước không thể chế ngự bằng pháp chế. Nguyên nhân chủ quan có thể chế ngự phần nào bằng các quy định pháp chế là nguyên nhân xã hội, chịu tác động bởi các quy luật thị trường (giá đất quyết định cơ cấu đô thị, khi đất tăng giá thì bản thân người chủ di sản có thể tự nguyện bán đi nên di sản khó được bảo tồn) và quy luật phi thị trường, mang tính chính trị, do lợi ích của những tập đoàn người khác nhau (chẳng hạn, các triều đại phong kiến thường phá hủy những di sản của các triều đại trước đó).

Muốn bảo tồn các di sản kiến trúc – đô thị thì chúng ta phải tìm cách hạn chế các nguyên nhân trên. Sai lầm thường thấy là quan điểm cho rằng các di sản nếu được phá đi và dùng khu đất đó để xây công trình mới lớn hơn thì sẽ có hiệu suất kinh tế cao hơn. Thậm chí, nhiều dự án còn phá đi các công trình kiến trúc cũ để xây lại theo kiểu cũ trong khi rõ ràng là những đồ cổ thật luôn có giá trị hơn những đồ nhái cổ. PGS.TS.KTS. Trần Văn Khả cho rằng việc phá hủy mỗi di sản kiến trúc không đơn giản là phá hủy một ngôi nhà mà chính là đập bẻ chén cơm của cộng đồng dân cư địa phương – không chỉ là các gánh hàng rong mà còn các doanh nghiệp – vì các công trình kiến trúc cổ bị phá hủy đã làm giảm đi giá trị văn hóa, lịch sử và do đó giảm khả năng thu hút khách du lịch. Sự phá hủy các di sản được coi như “tự vẫn về văn hóa” (cultural suicide) đưa tới sự thiệt hại cho cơ cấu kinh tế đô thị, đôi khi nguy hiểm đến mức làm lụi tàn đô thị do đánh mất bản sắc.

Sai lầm trong việc bảo tồn di sản một phần có nguồn gốc từ quan điểm bao cấp, tưởng lầm nội dung chính của dự án bảo tồn di sản là một Quy hoạch kiến trúc chi tiết (chỉ qui định những hạng mục nào nên được giữ lại, phá bỏ hay xây mới) và hệ quả là không biết lấy kinh phí ở đâu để thực hiện vì chỉ trông chờ vào ngân sách nhà nước. Việc duy tu hay phá bỏ bất kỳ bộ phận nào của các công trình di sản đều ảnh hưởng đến các vấn đề về kinh phí, quyền sở hữu, đời sống kinh tế, chính trị, xã hội và phong tục tập quán. Chính những điều này mới quyết định sự tồn tại của các di sản và rõ ràng là một bản Quy hoạch kiến trúc không thể giải quyết hết được các vấn đề này. Nhà nước cũng không thể tài trợ ngân sách cho việc duy trì, tu bổ tất cả các loại công trình, bao gồm cả nhà sở hữu tư nhân. Do vậy, để bảo tồn di sản lâu dài thì cần phải làm sao để các công trình đó có khả năng tự tạo ra nguồn thu. Các dự án bảo tồn di sản cần phải được tổ chức bởi một nhóm chuyên gia đa ngành, từ nhiều lĩnh vực như kiến trúc, kinh tế, quy hoạch, kỹ thuật cùng thảo luận ngay từ ban đầu để xem xét dự án ở nhiều khía cạnh khác nhau và phải nghiên cứu, khảo sát ảnh hưởng của dự án này đối với cộng đồng dân cư địa phương.

Có 2 phương pháp bảo tồn di sản kiến trúc – đô thị là: (i) bảo tồn như một công trình kiến trúc thuần túy, áp dụng cho những công trình chỉ mang tính trưng bày hoặc (ii) bảo tồn như một vật thể sống, bao gồm bảo tồn công trình cùng với các yếu tố con người, môi

trường vật chất xã hội, xét đến các cơ chế và yếu tố tạo ra sức sống của công trình. Dự án bảo tồn di sản chỉ bền vững khi có thể tự tạo ra nguồn thu để duy trì sự tồn tại của mình bằng việc tạo cho các công trình di sản một công năng hợp lý, phù hợp với nhu cầu bảo tồn và hình thức kiến trúc. Không nhất thiết phải khôi phục y nguyên công năng cũ nếu không còn phù hợp với tình hình kinh tế xã hội mới. Chẳng hạn, cung đình Huế đã được chuyển đổi công năng từ cung điện của triều đại phong kiến thành một điểm du lịch của Huế, trụ sở Hải quan TP.HCM ban đầu là khách sạn Metropolitan do tập đoàn Wong Tai (Huỳnh Thái) xây dựng được chuyển đổi thành sở Douane (Hải quan) sau mới thành trụ sở Hải quan TP.HCM. Nhiều khi duy trì công trình kiến trúc là chưa đủ mà phải bảo tồn cả môi trường tự nhiên, không gian bao quanh, ví dụ như biệt thự ở Đà Lạt. Thậm chí các lâu đài ở Anh có thể thu hút rất đông khách du lịch nhờ vào môi trường thiên nhiên bao quanh và nhờ những tin đồn về sự bí hiểm có ma của nó.

Việc trùng tu di sản như thế nào là tùy thuộc vào mục đích hay tiêu chuẩn mà công trình được bảo tồn. Có thể trùng tu từng phần hoặc toàn bộ, có những công trình có thể tháo dỡ làm lại, nhưng có những vật phải là nguyên mẫu và không thay thế được vì những vật liệu của nó nay không còn hoặc vì giá trị về tuổi, lịch sử. Tuy nhiên, việc thay thế vật tư phải được thể hiện rõ trong lý lịch của công trình để các thế hệ sau có thể nhận biết được. Cần hết sức tránh phương pháp bảo tồn kiểu mặt tiền giả (superficial), phá bỏ toàn bộ phía trong và chỉ giữ lại mặt tiền như cũ, vì điều này khiến cho công trình không còn sức sống (như chợ Đồng Xuân hay nhà tù Hỏa Lò tại Hà Nội). Việc xây chen mới có thể chấp nhận được nhưng cần theo phong cách phù hợp với công trình ban đầu. Nếu công trình bị phá hủy thì đừng vội xóa sổ mà vẫn có thể phục dựng như cũ nhằm bảo tồn truyền thống, giúp các thế hệ sau vẫn có thể hình dung được các công trình kiến trúc lịch sử, chẳng hạn chùa Một Cột ngày nay được phục dựng lại năm 1954 dưới thời chủ tịch Hồ Chí Minh ngay sau khi chùa Một Cột cũ xưa bị thực dân Pháp đánh bom phá hủy.

Ngày nay, nhiều người cho rằng có sự mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển. Điều này có thật và do hoàn cảnh xã hội và các quy luật của kinh tế thị trường làm công năng của khu đất hay cơ cấu sử dụng đất thay đổi trong khi công tác bảo tồn di sản thường đòi hỏi phải

giữ nguyên đặc điểm của khu đất được hình thành trong quá khứ. Giải pháp cho vấn đề này là “Biến bảo tồn thành nguồn lực cho phát triển”, tuy nhiên cần chú ý rằng các di sản kiến trúc – đô thị là những nguồn lực dễ vỡ (Fragile resource).

Nhà nước có thể chủ động tác động đến cơ cấu sử dụng đất thông qua 3 công cụ là: quy hoạch sử dụng đất; đầu tư hạ tầng cơ sở; chính sách thuế.

Quy hoạch sử dụng đất không chỉ áp dụng cho khu bảo tồn di tích mà phải quy hoạch cho cả khu vực xung quanh. Công tác bảo tồn phải tận dụng các quy luật phát triển của kinh tế thị trường, không đưa ra các quy chế hành chính bắt buộc, chẳng hạn, đi kèm với quy hoạch phố cổ Hội An là quy hoạch khu vực lân cận thành khu resort của Đà Nẵng. Việc đưa ra các quy định bắt buộc có thể không giúp bảo tồn di sản mà còn dẫn đến sự phá hủy nhanh hơn, chẳng hạn nhà cổ tại Đường Lâm nếu được công nhận di sản thì không được phép sửa chữa nên người dân có xu hướng phá bỏ nhà cổ để xây nhà mới trước khi bị công nhận là di sản. Do vậy, nhà nước cần đưa ra các chính sách làm cho người dân có lợi hơn từ việc bảo tồn di sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng tại một vùng tách biệt nào đó sẽ giúp thu hút sự phát triển ra khỏi các khu vực cần bảo tồn, chẳng hạn việc TP.HCM đầu tư hạ tầng để khuyến khích phát triển các khu vực quận 7 hay Thủ Thiêm đã giúp giảm đi sự phá hủy các di sản kiến trúc, các biệt thự cổ ở quận 1, quận 3. Chính sách thuế cũng giúp nhà nước điều chỉnh hoạt động kinh tế ở các khu vực khác nhau nhằm bảo tồn các di sản.

Như vậy, việc bảo tồn các di sản kiến trúc đô thị mà nhiều người lầm tưởng là công việc kiến trúc thực ra là công việc về con người vì việc giữ lại hay phá hủy các di sản là phụ thuộc vào quyền lợi của con người. Việc bảo tồn di sản đồng nghĩa với bảo tồn những lợi ích chính đáng của người dân sống tại khu vực đó. Do đó, các dự án bảo tồn di sản cần phải nghiên cứu yếu tố con người, nhất là người dân sống trong khu vực các di sản kiến trúc – đô thị.

THẢO LUẬN

Một khách mời đặt vấn đề rằng: đôi khi các cơ quan thẩm quyền biết rõ bảo tồn những công trình di sản sẽ có giá trị cao hơn việc phá bỏ để xây dựng công trình mới nhưng vì lợi ích cá nhân nên vẫn ra quyết định phá bỏ. Vậy có những phương pháp nào có thể giúp thay đổi cơ chế ra quyết định để hạn chế vấn đề này? PGS. TS. KTS. Trần Văn Khải cho rằng hiện nay có những khó khăn để thay đổi việc ra quyết định này vì thực tế, dù một số dự án phá hủy di sản vẫn được thực hiện dù gặp phải sự phản đối của dân cư và các cơ quan chuyên ngành kiến trúc, văn hóa. Tuy nhiên, ông hy vọng rằng việc phổ biến kiến thức về bảo tồn di sản có thể giúp thay đổi nhận thức của những người có thẩm quyền, các chủ đầu tư hay chủ di sản về giá trị của các công trình kiến trúc cổ, đồng thời giúp giảm bớt những sai lầm trong quá trình thực hiện các dự án bảo tồn các di sản kiến trúc – đô thị. Ngoài ra, vai trò của Bộ Văn hóa trong việc truyền bá “Luật Di sản Văn hóa” cũng như tuyên truyền về ý nghĩa, giá trị của các di sản cho cộng đồng cũng rất quan trọng để xây dựng ý thức bảo tồn di sản của mọi người.

Liên quan đến vấn đề này, khách mời khác cho rằng mặc dù các lý thuyết nói rằng việc phát triển bền vững phải dựa vào cộng đồng địa phương và bảo tồn di sản sẽ đem lại lợi ích cho cộng đồng, nhưng thực tế chúng ta thấy rằng cộng đồng dân cư ở Việt Nam không có tiếng nói trong những quyết định liên quan đến bảo tồn di sản. Khách mời muốn biết rằng pháp luật Việt Nam hiện có quy định về những vấn đề mà các cơ quan có thẩm quyền phải dựa vào ý kiến cộng đồng địa phương khi ra quyết định hay không? Một khách mời khác đang nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực luật học cho biết, luật về tổ chức chính quyền địa phương mới được ban hành có quy định một số vấn đề phải lấy ý kiến Hội đồng nhân dân nhưng đôi khi Hội đồng nhân dân chưa thực sự đại diện được cho tiếng nói của người dân nên các quy định pháp luật này vẫn chưa phát huy được hiệu quả trong thực tế.

Thứ sáu, ngày 27 tháng 5 năm 2016

Thư ký Seminar

Doãn Thị Thanh Thủy